

**CÔNG TY TNHH MEGCOM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MEGCOM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MEGCOM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MEGCOM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108678665

**3. Ngày thành lập:** 03/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 352 Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                            | 1010     |
| 2.  | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                    | 1020     |
| 3.  | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                               | 1030     |
| 4.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                              | 1071     |
| 5.  | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                        | 1073     |
| 6.  | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                               | 1074     |
| 7.  | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                      | 1075     |
| 8.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                   | 1079     |
| 9.  | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                              | 1080     |
| 10. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                    | 1391     |
| 11. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                     | 1392     |
| 12. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                   | 1393     |
| 13. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                             | 1410     |
| 14. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                           | 1420     |
| 15. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                       | 1430     |
| 16. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                          | 1621     |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                    | 1622     |
| 18. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                   | 2011     |
| 19. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                     | 2023     |
| 20. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa, Môi giới mua bán hàng hóa.<br>(Trừ hoạt động môi giới bảo hiểm, chứng khoán; trừ hoạt động đấu giá) | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 21. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: - Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>- Bán buôn thủy sản<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                               | 4632        |
| 22. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633        |
| 23. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: - Bán buôn vải<br>- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác<br>- Bán buôn hàng may mặc<br>- Bán buôn giày dép                                                                                                                                                                                                                  | 4641(Chính) |
| 24. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao | 4649        |
| 25. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp, anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hóa học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, paraffin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh.                                                                                                                                             | 4669        |
| 26. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4690        |
| 27. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4711        |
| 28. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>- Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                                                            | 4719        |
| 29. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4751        |
| 30. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4753        |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                           | 4759        |
| 32. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4761        |
| 33. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4763        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4771 |
| 35. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4772 |
| 36. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                | 4782 |
| 37. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                         | 4791 |
| 38. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Trừ hoạt động chuyển phát, trừ hoạt động đấu giá.                                                                                                                                             | 4799 |
| 39. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                               | 5510 |
| 40. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                        | 5610 |
| 41. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                | 5621 |
| 42. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.                                                                                                                               | 5629 |
| 43. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                 | 5630 |
| 44. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                               | 7310 |
| 45. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                | 7320 |
| 46. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                             | 8230 |
| 47. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                                   | 9000 |
| 48. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>(trừ Hoạt động của các sân nhảy)                                                                                                                                                             | 9329 |
| 49. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                   | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 04/05/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162988981

Ngày cấp: 26/03/2006

Nơi cấp: Công an Tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quả Linh, Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 2701 tầng 27, Tòa nhà Ecolife, Số 58 Tố Hữu, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ MAI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/05/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 162988981

Ngày cấp: 26/03/2006

Nơi cấp: Công an Tỉnh Nam Định

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Quả Linh, Xã Thành Lợi, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 2701 tầng 27, Tòa nhà Ecolife, Số 58 Tố Hữu, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội